

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim C, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Hiện anh P đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi thường trú và nơi cư trú cùng của anh P tại Việt Nam: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh P được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến

cuối tháng 12 năm 2012 anh P đi lao động tại nước Bì, từ đó vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, chị và anh P đã nói chuyện với nhau rất nhiều lần nhưng do bất đồng về quan điểm sống quá lớn nên chị và anh P không thể hàn gắn được nữa, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả. Tháng 01 năm 2014 chị về nhà bố, mẹ đẻ tại L sinh sống cho đến nay, chị và anh P không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/11/2012, hiện con chung đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị C trình bày: Do công việc bận nên chị không thể đến Tòa án để tham tố tụng nên chị đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

Anh Nguyễn Thành P là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành xác minh với người thân của anh P là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị C và anh P kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị C và anh P chung sống với nhau không hạnh phúc nhưng bà H không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn, chị C và anh P sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị C và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/11/2012, hiện con chung đang sống cùng với chị C.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh P biết nhưng anh P không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của anh P tại nước ngoài. Anh P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Cháu Nguyễn Kim N trình bày: Cháu là con bố Nguyễn Thành P và mẹ Bùi Thị Kim C, hiện cháu sống cùng mẹ. Nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Thị Kim C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thành P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Bùi Thị Kim C, biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Kim N, biên bản làm

việc với bà Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Thành P không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Thành P.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/11/2012 cho chị Bùi Thị Kim C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thị Kim C khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thành P và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Anh P hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể của anh P. Theo Công văn số: 10763/QLXNC-P3 ngày 24/5/2024 của Cục Q - Bộ C1 cung cấp, anh P xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 17/01/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn anh P hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của anh P ở Việt Nam tại: thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành P: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà H (là mẹ anh P), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh P trước khi xuất cảnh ở thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh P thông qua người thân của anh P là bà Nguyễn Thị H (mẹ anh P) và đề nghị bà H thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị Kim C và bị đơn là anh Nguyễn Thành P. Bà H cho biết anh P vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh P không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh P tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C và anh Nguyễn Thành P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh P phát sinh mâu thuẫn, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành P.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Kim C đối với anh Nguyễn Thành P. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C và anh P chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 9 năm 2013 anh P đi lao động tại nước ngoài, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả. Tháng 01 năm 2014 chị C trở về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh, chị không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị C, anh P không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh P, xử cho chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Thành P như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị C và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/11/2012. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Cháu N có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị C, Hội đồng xét xử thấy: Anh P hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu N từ khi anh P đi lao động ở nước ngoài được chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu N có nguyện vọng được sống cùng với chị C. Để đảm bảo cho con chung phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống, môi trường học tập của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu N cho chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, nguyện vọng của cháu N cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Sau khi ly hôn anh P không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh P về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C đang ở trong nước vắng mặt tại phiên, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thành P đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Thành P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 05/11/2012 cho chị Bùi Thị Kim C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001076 ngày 21/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Bùi Thị Kim C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị Kim C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Hương Vĩ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hà Văn Nâu